TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/DS-ST
Ngày: 07/9/2017
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Ngày 07/9/2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số:165/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐST- DS ngày 21/7/2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1964. (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Vào năm 2016, bà có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi, tổng cộng là 10 dây hụi, cụ thể các lần bà đã đóng hụi cho bà Nguyễn Mỹ H như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/4/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 13.000.000đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 10/01/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 25.200.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/5/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 9.100.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.00 0đồng khui ngày 20/8/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 6.500.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 25/8/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 10.500.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 05/7/2016, hụi nữa tháng khi một lần, bà L tham gia 01 phần đóng được số tiền là 12.6000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 8/10/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 23.100.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 15/11/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 6.300.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/9/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 16.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/9/2016 tham gia 01 phần đóng được số tiền là 8.690.000 đồng.

Bà tham gia hụi của bà H chưa được một năm thì bà H ngưng hụi. Tổng số tiền hụi các dây hụi bà đã đóng cho bà Nguyễn Mỹ H là 130.990.000 đồng. Ngày 28/12/2016, bà H có viết giấy tay thừa nhận còn nợ bà số tiền hụi 130.990.000 đồng.

Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 130.990.000 đồng (một trăm ba mươi triệu chín trăn chín mươi ngàn đồng), bà không yêu cầu tính lãi trên số tiền này.

Việc bà và bà Nguyễn Mỹ H giao dịch các dây hụi với nhau bà tuy ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà H có biết nhưng bà không yêu cầu ông C phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Mỹ H trả số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ủy quyền anh Nguyễn Bảo Q nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Lê Thị L và bà Nguyễn Mỹ H có giao kết với nhau tổng cộng 10 dây hụi. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2016 thì bà H ngưng hụi, ngày 28/12/2016 bà Nguyễn Mỹ H có làm giấy tay xác nhận còn nợ bà L số tiền 130.990.000 đồng. Bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L số tiền trên, bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền hụi bà đã đóng cho bà H, yêu cầu khởi kiện của bà L là tranh chấp hụi được xem xét theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bảo Q là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Mỹ H, anh Q đã được án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bảo Q.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của bà L tại phiên tòa, bà và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch nhiều dây hụi, tổng số tiền bà Nguyễn Mỹ H nợ bà L là 130.990.000 đồng theo tờ giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016.

[4] Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hụi còn nợ là 130.990.000 đồng, chứng cứ bà L yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ giấy viết tay đề ngày 28/12/2016 có nội dung "H có thiếu vốn hụi của bà Lê Thị L số tiền 130.990.000 đồng".

Xét về hình thức, tờ giấy viết tay do bà Lê Thị L cung cấp và theo lời khai của bà L thì tờ giấy này do bà H viết tại nhà bà H sau thời điểm bà H tuyên bố ngừng hụi vài ngày. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự 2005.

Về nội dung, tờ giấy ngày 28/12/2016 có nội dung thể hiện bà H có thiếu bà L số tiền là 130.990.000 đồng, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà Lê Thị L và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do bà L cung cấp. Nhưng bà Nguyễn Mỹ H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có

cơ sở chấp nhận "giấy xác nhận thiếu nợ" ngày 28/01/2017 là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của bà Lê Thị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khoản nợ hụi theo tờ giấy ngày 28/12/2016 thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bà Nguyễn Mỹ H còn nợ kể từ ngày xác nhận nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Nguyễn Mỹ H và đại diện ủy quyền của bà H vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của bà L, bà H phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa bà L không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với ông C theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà Lê Thị L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền án phí phải nộp là 130.990.000 đồng x 5% = 6.548.000 đồng (sáu triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122,124, 479 và 290 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ hụi 130.990.000 (một trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 6.548.000 đồng (sáu triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.274.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) cho bà Lê Thị L theo biên lai thu số 0010895 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan